

Bản án số 449/2024/HC-PT
Ngày 24 - 5 - 2024
V/v “Khiếu kiện Quyết định thu hồi Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý
Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 678/2023/TLPT-HC ngày 05 tháng 10 năm 2023 về “*Khiếu kiện Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2023/HC-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 335/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2136/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1957 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số E đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Tòa nhà V, số E đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố P

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H1 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Quang L – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (có mặt).

Địa chỉ: Số D, đường T, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân thành phố P là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện người khởi kiện ông Đỗ Văn T và người đại diện trình bày:

Ông Đỗ Văn T có diện tích đất 27.160m² tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang do nhận chuyển nhượng của người khác vào năm 2003.

Ngày 14/02/2003 ông T được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PDT 000157/QSDĐ/141/D-UB, diện tích được cấp 27.160m² thuộc loại đất cây công nghiệp, thời hạn sử dụng đến năm 2043.

Năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định thu hồi diện tích của ông Đỗ Văn T. Mục đích thu hồi đất là để giao cho Công ty cổ phần C1 để thực hiện dự án đầu tư.

Năm 2015, ông Đỗ Văn T kiện Ủy ban nhân dân huyện P để yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất số 820/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 thu hồi diện tích 21.268,1m²; Quyết định thu hồi đất số 863/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 thu hồi 25.448,4m²; Quyết định thu hồi đất số 883/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 thu hồi 5.271,9m².

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2016/HC-ST ngày 27/5/2016 Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc đã tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T. Hủy các Quyết định thu hồi đất bị kiện.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật ngày 29/5/2018, Ủy ban nhân dân huyện P đã ra ba Thông báo thu hồi đất của ông Q và ông T tổng diện tích 62.040,8m².

Ngày 26/10/2022 Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 5005/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn T cấp ngày 14/02/2003 diện tích 27.160m² lý do thu hồi là cấp sai đối tượng.

Ông T không đồng ý với Quyết định nêu trên vì diện tích đất ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành để ban hành Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T là không phù hợp quy định của pháp luật.

Ông T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang hủy Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5005/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Đỗ Văn T.

Tại Văn bản số 937/UBND-NCPC ngày 12/6/2023 Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến đối với đơn kiện của ông Đỗ Văn T như sau:

Diện tích đất 27.160m² (5.297m² + 21.863m²) tại ấp Đ, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M980010 ngày 14/02/2003 cho ông Đỗ Văn T có nguồn gốc như sau: Đối với diện tích đất 5.297m² có nguồn gốc do ông Phù Xí D (đã chết) khai phá sử dụng từ năm 1993, có đăng ký kê khai, đo đạc được thể hiện trên sơ đồ đo đạc năm 1994 (sơ đồ 14, thuộc thửa số 16, diện tích 29.100m²) nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2003, thì ông D chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn T nhưng để cho bà Phù Thị T2 (đã chết) đứng ra làm giấy tờ hợp thức hóa quyền sử dụng đất và ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông T.

Đối với diện tích 21.863m² còn lại của bà Phù Thị T2 (đã chết) khai phá sử dụng từ năm 1976 đến năm 1994, bà T2 kê khai và được thể hiện trên sơ đồ 14 diện tích 2.400m² và đã được cấp giấy chứng nhận ngày 26/7/1994 (giấy xanh); Phần diện tích còn lại 19.463m² không thể hiện trên sơ đồ 14 đến năm 2003 bà T2 làm hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất trên cho ông Đỗ Văn T.

Ngày 10/02/2003 Phòng Giao thông Địa chính – Xây dựng có Tờ trình số 51/TT-GTDCXD đề nghị Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn T được Ủy ban nhân dân huyện P phê duyệt và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M980010 diện tích 27.160m² (loại đất nông nghiệp).

Tại thời điểm năm 2004 khi phát hiện và khởi tố vụ án “Nhận hối lộ và làm môi giới hối lộ” liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn T, Cơ quan Công an huyện P cũng như Cơ quan chuyên môn của huyện đã xác định được việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là có sai về trình tự thủ tục, vi phạm quy định của pháp luật nhưng không kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất của ông T nên ông T vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho đến nay.

Năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh K ra Quyết định số 690/QĐ –UBND ngày 23/3/2009 về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường khu quy hoạch giao cho Công ty cổ phần C1 để đầu tư xây dựng Dự án Khu du lịch ven biển B. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện P đã thực hiện trình tự, thủ tục về thu hồi đất, bồi thường trong đó có diện tích đất 27.160m² của ông Đỗ Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/02/2003.

Năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện P ra Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất đối với ông T. Ông Đỗ Văn T đã khởi kiện đến Tòa án. Khi xét xử Tòa đã tuyên hủy các Quyết định thu hồi đất.

Năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh K thành lập Đoàn Thanh tra cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện P về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Anh Q1 và ông Đỗ Văn T.

Từ kết quả thanh tra ngày 16/3/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K có kết luận thanh tra số 37/KL-UBND về việc thanh tra việc Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Đỗ Văn T xác định như sau:

Bà Phù Thị T2 đăng ký kê khai cả phần đất của ông Phù Xí D đang sử dụng để hợp thức hóa quyền sử dụng đất chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn T là vi phạm điểm a, điểm b khoản 1 Chương 2 Thông tư số 1900/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính.

Ủy ban nhân dân xã D, Phòng Giao thông Địa chính – Xây dựng huyện P tiếp nhận, xử lý hồ sơ xin hợp thức hóa quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phù Thị T2 cho ông Đỗ Văn T là không đúng quy định tại Điều 11 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ (được sửa đổi tại Nghị định số 79/2001/NĐ-CP ngày 01/11/2001).

Việc ông Đỗ Văn T là đối tượng nhận chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất được cấp với hình thức biến động đất đai, nhưng Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức đăng ký cấp giấy lần đầu là thực hiện không đúng quy định tại Điều 11 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn T khi đã có Quyết định số 03/2003/QĐ-UB ngày 14/01/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc tạm ngưng cấp đất, cấp quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi đất, chuyển nhượng đất, cho thuê đất, thế chấp quyền sử dụng đất và tạm ngưng cấp phép xây dựng cơ bản trên những khu vực dự kiến quy hoạch du lịch - dịch vụ trên đảo P, chấp hành không nghiêm quy định của Cơ

quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Giao Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đỗ Văn T.

Thực hiện kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K, ngày 26/10/2022 Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 5005/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn T theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

Hủy Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Đỗ Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P là người bị kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Trần Quang L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố P trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T. Giữ nguyên ý kiến trình bày tại các văn bản số 113/UBND-NCPC ngày 18/01/2024 và số 794/UBND-NCPC ngày 02/5/2024 đã cung cấp cho Tòa án.

Bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày: Bà giữ nguyên các ý kiến đã nêu trong bản ý kiến pháp lý ngày 30/01/2024.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P;

Nguồn gốc phần diện tích đất do bà T2, ông D khai phá, chuyển nhượng cho ông T. Ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003, thời hạn

sử dụng đến năm 2043. Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự “Nhận hối lộ, môi giới hối lộ” liên quan đến việc cấp giấy, cơ quan chức năng xác định việc cấp giấy sai trình tự thủ tục. Cơ quan thanh tra không kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố P thu hồi giấy. Năm 2011, Ủy ban nhân dân tỉnh K thành lập Đoàn Thanh tra Ủy ban nhân dân huyện P, trong đó ông T cũng bị thanh tra. Theo Kết luận thanh tra, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T ngày 14/02/2003, trong khi đó Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 03/2003/QĐ-UB ngày 14/01/2003 về việc tạm ngưng cấp đất, cấp quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi đất, chuyển nhượng đất, cho thuê đất, thế chấp quyền sử dụng đất và tạm ngưng cấp phép xây dựng cơ bản trên những khu vực dự kiến quy hoạch du lịch - dịch vụ trên đảo P. Tuy nhiên, một số cơ quan không chấp hành và vẫn tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Đỗ Văn T là phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ông Đỗ Văn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Đỗ Văn T.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[2.1] Ngày 16/3/2021, UBND tỉnh K có văn bản số 37/KL-UBND thanh tra việc UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông T và ông Q1 (đã

giải mật). Trong Kết luận này có yêu cầu UBND thành phố P thu hồi huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện P cấp cho ông Đỗ Văn T ngày 14/02/2003 với diện tích 27.160 m².

Ngày 14/01/2003, UBND tỉnh K có Quyết định số 03/2003/QĐ-UB về việc tạm ngưng cấp đất, cấp quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi đất, chuyển nhượng đất, cho thuê đất, thế chấp quyền sử dụng đất và tạm ngưng cấp phép xây dựng cơ bản trên những khu vực dự kiến quy hoạch du lịch - dịch vụ trên đảo P nhưng ngày 14/02/2003 UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông T diện tích 27.160 m².

Căn cứ khoản 3 Điều 58 Luật Thanh tra năm 2010, Điều 11 Mục 3 Chương II Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/5/2015 của Chính phủ, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông T là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T sai đối tượng, thời điểm chuyển nhượng đất từ bà T2, ông C cho ông Q1, ông T có tổng diện tích 57.529 m², theo biên bản đo đạc ngày 18/10/2004 diện tích thực tế 46.517 m² đất của bà T2, ông C sử dụng 12.007 m², hiện trạng có trồng cây lâu năm; đất ông D sử dụng có diện tích 5.297,6 m² hiện trạng đất trồng cây lâu năm; đất ông Q1 sử dụng có diện tích 29.213 m², trong đó có diện tích 4.518,2 m² có hiện trạng khai phá, trồng cây lâu năm, còn lại diện tích 24.694 m² là đất bùng ngập nước, tràm tự nhiên. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T không xâm phạm quyền và lợi ích của ông D, ông Q1 nhưng xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước khi lập phương án bồi thường. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến vụ án “Nhận hối lộ và môi giới hối lộ”. Bản án hình sự số 125/2005/HSST ngày 15/8/2005 của Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Bản án số 1739/2005/HS-PT ngày 19/10/2005 của Toà Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử các bị cáo Trịnh Văn T3, Huỳnh Hoàng A, Lê Minh B tội “Nhận hối lộ”; Trần Văn B1 tội “Môi giới hối lộ” có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2 và ông C.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không đúng pháp luật. Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, sửa bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa án, Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; Điều 193; khoản 2 Điều 241; Điều 348 và Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 106 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T về việc hủy Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Đỗ Văn T.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đỗ Văn T được miễn án phí.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu. Hoàn lại cho Ủy ban nhân dân thành phố P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001390 ngày 21/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Dương sự;
- Lưu (Án - Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương